

Số: **2210** /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 12 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 của Bộ Tài chính về việc công thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực quản lý tài chính doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 967/QĐ-BTC ngày 25/6/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 251/TTr-STC ngày 24/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 60 thủ tục hành chính được ban hành mới, 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam.

(Chi tiết tại 03 Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải nội dung Quyết định lên Trang văn bản pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qpl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh đầy đủ, chính xác nội dung cấu thành của từng thủ tục hành chính, cập nhật lên Trang thông tin điện tử của Sở; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông (kèm bản mềm đến địa chỉ email: thaov@quangnam.gov.vn và binhtt@quangnam.gov.vn) chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ khi Quyết định này có hiệu lực để đăng tải công khai và niêm yết dữ liệu đúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương; đồng thời, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã tại bộ phận một cửa các cấp và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Sửa đổi, bổ sung 05 thủ tục hành chính (số thứ tự 02, Mục III; số thứ tự 04, 05, 06, Mục IV, Phần A) tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh và 01 thủ tục hành chính (số thứ tự 01, Mục I, Phần A) tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh.

Bãi bỏ 03 thủ tục hành chính (số thứ tự 02, Mục I; số thứ tự 01, Mục II và số thứ tự 03, Mục III, Phần A) tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh.

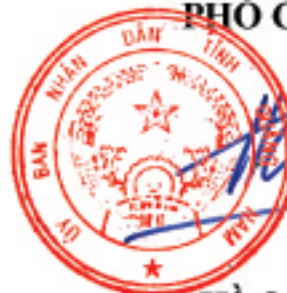
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính-VPCP;
- Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm CNTT&TT Quảng Nam (đăng tải);
- CPVP, các Phòng: KTTH, KGVX, HCTC;
- Lưu: VT, KSTTHC (2).

E:\TUYN\Cong bo\Tham dinh danh muc\THAM DINH NAM 2020\BO TC\251 So Tai chinh.docx

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2210 /QĐ-UBND ngày 12 / 8 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
I.	Lĩnh vực Quản lý công sản				
1	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư.	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Tài chính và Sở, Ban, Ngành, hội, đoàn thể; cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (gọi tắt là <i>Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ</i>). - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là <i>Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh</i>). - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh Ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là <i>Quyết</i>

					<p><i>định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh).</i></p> <p>- Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (<i>gọi tắt là Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính</i>).</p>
2	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Tài chính và Sở, Ban, Ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	<p>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017.</p> <p>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.</p>
3	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Tài chính và Sở, Ban, Ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	<p>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017.</p> <p>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.</p>

4	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước.	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Tài chính (số 102 đường Trần Quý Cáp, TP Tam Kỳ)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
5	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	Không quá 60 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày và Bước 3 là 30 ngày)	Sở Tài chính (số 102 đường Trần Quý Cáp, TP Tam Kỳ)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
6	Quyết định điều chuyển tài sản công.	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Tài chính (số 102 đường Trần Quý Cáp, TP Tam Kỳ)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh.

					- Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
7	Quyết định bán tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Tài chính và Sở, Ban, Ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
8	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Không quá 14 ngày làm việc (Bước 1 là 7 ngày và Bước 2 là 7 ngày).	Sở Tài chính và Sở, Ban, Ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
9	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	Không quá 14 ngày làm việc (Bước 1 là 7 ngày và Bước 2 là 7 ngày)	Sở Tài chính và Sở, Ban, Ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh.

					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
10	Quyết định thanh lý tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Tài chính và Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
11	Quyết định tiêu hủy tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Tài chính và Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
12	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Không quá 60 ngày làm việc (Bước 1 là 30 ngày và Bước 2 là 30 ngày).	Sở Tài chính và Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh.

					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
13	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 1 là 30 ngày, Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 30 ngày, Bước 4 là 30 ngày)	Sở Tài chính và Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
14	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	Không quá 90 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 30 ngày, Bước 4 là 30 ngày)	Sở Tài chính và Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
15	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Không quá 04 ngày làm việc (Bước 2 là 2 ngày)	- Nộp hồ sơ điện tử trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công;	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

	có tài sản (<i>Áp dụng cho trường hợp xử lý tài sản của Sở Tài chính và tài sản do cơ quan có thẩm quyền giao; xử lý tài sản của Sở, Ban, Ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh</i>).	và Bước 4 là 2 ngày)	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý vận hành hệ thống giao dịch điện tử tài sản công; - Gửi qua đường bưu điện của cơ quan trên.		- Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
16	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công (<i>Áp dụng cho trường hợp xử lý tài sản của Sở Tài chính và tài sản do cơ quan có thẩm quyền giao; xử lý tài sản của Sở, Ban, Ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh</i>).	Không quá 02 ngày làm việc (Bước 2 là 2 ngày và Bước 4 là 2 ngày)	- Nộp hồ sơ điện tử trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý vận hành hệ thống giao dịch điện tử tài sản công; - Gửi qua đường bưu điện của cơ quan trên	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
17	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Không quá 14 ngày làm việc (Bước 2 là 7 ngày và Bước 3 là 7 ngày)	Sở Tài chính (số 102 đường Trần Quý Cáp, TP Tam Kỳ	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 29/2018/NĐCP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (<i>gọi tắt Nghị định số 29/2018/NĐCP của Chính phủ</i>).

					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (<i>gọi tắt lại Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính</i>)..
18	Chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày và Bước 3 là 90 ngày)	Sở Tài chính (số 102 đường Trần Quý Cáp, TP Tam Kỳ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 29/2018/NĐCP ngày 05/3/2018 của Chính phủ; - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính.
19	Thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày và	Sở Tài chính (số 102 đường Trần Quý Cáp, TP Tam Kỳ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 29/2018/NĐCP ngày 05/3/2018 của Chính phủ;

		Bước 3 là 90 ngày)			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính.
20	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 1 là 60 ngày, Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 30 ngày)	Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Tài chính, Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (gọi tắt Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ). - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 9/6/2020 của UBND tỉnh về Quy định thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 9/6/2020 của UBND tỉnh).

					- Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính.
21	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	Không quá 90 ngày làm việc (Bước 1 là 60 ngày và Bước 2 là 30 ngày)	Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Tài chính, Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ” (gọi tắt là <i>Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>). - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 9/6/2020 của UBND tỉnh. - Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính.
II	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp				
1	Cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị thuộc địa phương	Không quá 10 ngày làm việc	Sở Tài chính (số 102 đường Trần Quý Cáp, TP Tam Kỳ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; - Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ

				<p>sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 58/2017/TT-BTC ngày 13/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số chính sách hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng khó khăn.</p> <p>- Quyết định số 2070/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực quản lý tài chính doanh nghiệp (<i>gọi tắt là Quyết định số 2070/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 của Bộ Tài chính</i>).</p>
2	Lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá	Không quá 30 ngày làm việc (Trước ngày 31 tháng 7 của năm trước)	Sở Tài chính (số 102 đường Trần Quý Cáp, TP Tam Kỳ	<p>- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.</p> <p>- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá (<i>gọi tắt là Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ</i>).</p> <p>- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân</p>

					<p>sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (gọi tắt là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ).</p> <p>- Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản (gọi tắt là Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính).</p> <p>- Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh về ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh).</p> <p>- Quyết định số 2070/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 của Bộ Tài chính.</p>
III	Lĩnh vực Thuế				
1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Không quá 10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 18 đường Lê Lợi, TP Tam Kỳ)	Không	<p>- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 5/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.</p> <p>- Quyết định số 967/QĐ-BTC ngày 25/6/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (gọi tắt là Quyết định</p>

					<i>số 967/QĐ-BTC ngày 25/6/2020 của Bộ Tài chính).</i>
B.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
I.	Lĩnh vực Quản lý công sản				
1	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư.	Không quá 30 ngày làm việc	- Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện (đối với trường hợp phòng TC-KH cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện). - Bộ phận một cửa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
2	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Không quá 30 ngày làm việc	- Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện (đối với trường hợp phòng TC-KH cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện). - Bộ phận một cửa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
3	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.	Không quá 30 ngày làm việc	- Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện (đối với trường hợp phòng TC-KH cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện).	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh.

			- Bộ phận một cửa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.		- Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính
4	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước.	Không quá 30 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
5	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	Không quá 60 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày và Bước 3 là 30 ngày)	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
6	Quyết định điều chuyển tài sản công.	Không quá 30 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh.

					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
7	Quyết định bán tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện (đối với trường hợp phòng TC-KH cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện). - Bộ phận một cửa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
8	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Không quá 14 ngày làm việc (Bước 1 là 7 ngày và Bước 2 là 7 ngày).	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện (đối với trường hợp phòng TC-KH cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện). - Bộ phận một cửa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
9	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	Không quá 14 ngày làm việc (Bước 1 là 7	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện (đối với trường hợp phòng TC-KH cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh.

		ngày và Bước 2 là 7 ngày)	- Bộ phận một cửa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.		- Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
10	Quyết định thanh lý tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc	- Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện (đối với trường hợp phòng TC-KH cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện). - Bộ phận một cửa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
11	Quyết định tiêu hủy tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc	- Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện (đối với trường hợp phòng TC-KH cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện). - Bộ phận một cửa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
12	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Không quá 60 ngày làm việc (Bước 1 là 30 ngày và Bước 2 là 30 ngày).	- Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện (đối với trường hợp phòng TC-KH cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện).	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh.

			- Bộ phận một cửa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.		- Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
13	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 1 là 30 ngày, Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 30 ngày, Bước 4 là 30 ngày).	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
14	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	Không quá 90 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 30 ngày, Bước 4 là 30 ngày)	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
15	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản (<i>Áp dụng cho trường hợp</i>	Không quá 04 ngày làm việc (Bước 2 là 2 ngày	- Nộp hồ sơ điện tử trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

	<i>xử lý tài sản của UBND, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện).</i>	và Bước 4 là 2 ngày)	vận hành hệ thống giao dịch điện tử tài sản công; - Gửi qua đường bưu điện của cơ quan trên.		- Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
16	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công (<i>Áp dụng cho trường hợp xử lý tài sản của UBND, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện).</i>	Không quá 04 ngày làm việc (Bước 2 là 2 ngày và Bước 4 là 2 ngày)	- Nộp hồ sơ điện tử trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý vận hành hệ thống giao dịch điện tử tài sản công; - Gửi qua đường bưu điện của cơ quan trên.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
17	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	Không quá 23 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.

18	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Không quá 14 ngày làm việc (Bước 2 là 7 ngày và Bước 3 là 7 ngày)	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 29/2018/NĐCP ngày 05/3/2018 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính.
19	Chi thường đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày và Bước 3 là 90 ngày)	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 29/2018/NĐCP ngày 05/3/2018 của Chính phủ; - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính.
20	Thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày và	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

	quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	Bước 3 là 90 ngày)			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 29/2018/NĐCP ngày 05/3/2018 của Chính phủ; - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính.
21	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 1 là 60 ngày, Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 30 ngày)	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 9/6/2020 của UBND tỉnh. - Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính.
22	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	Không quá 90 ngày làm việc Bước 1 là 60 ngày, Bước 2 là 30 ngày)	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 9/6/2020 của UBND tỉnh. - Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính.
II	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp				
1	Lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá	Không quá 30 ngày làm việc (Trước ngày 31 tháng 7 năm trước)	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá. - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh. - Quyết định số 2070/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 của Bộ Tài chính.
III	Lĩnh vực Thuế				
1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 5/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

					- Quyết định số 967/QĐ-BTC ngày 25/6/2020 của Bộ Tài chính.
C.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
I.	Lĩnh vực Quản lý công sản				
1	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư.	Không quá 30 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
2	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Không quá 30 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
3	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.	Không quá 30 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính
4	Quyết định bán tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
5	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Không quá 14 ngày làm việc (Bước 1 là 7 ngày và Bước 2 là 7 ngày).	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
6	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	Không quá 14 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017.

		(Bước 1 là 7 ngày và Bước 2 là 7 ngày)			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
7	Quyết định thanh lý tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính
8	Quyết định tiêu hủy tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính

9	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Không quá 60 ngày làm việc (Bước 1 là 30 ngày và Bước 2 là 30 ngày).	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
10	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản (<i>Áp dụng cho trường hợp xử lý tài sản của UBND cấp xã; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã</i>).	Không quá 04 ngày làm việc (Bước 2 là 2 ngày và Bước 4 là 2 ngày)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ điện tử trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý vận hành hệ thống giao dịch điện tử tài sản công; - Gửi qua đường bưu điện của cơ quan trên. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
11	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công (<i>Áp dụng cho trường hợp</i>	Không quá 04 ngày làm việc (Bước 2 là 2 ngày và Bước 4 là 2 ngày)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ điện tử trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý vận hành hệ thống giao dịch điện tử tài sản công; 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh.

	<i>xử lý tài sản của UBND cấp xã; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã).</i>		- Gửi qua đường bưu điện của cơ quan trên.		- Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính.
II.	Lĩnh vực Thuế				
01	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Không quy định thời gian giải quyết	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 5/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. - Quyết định số 967/QĐ-BTC ngày 25/6/2020 của Bộ Tài chính.

Ghi chú:

1/ Thủ tục hành chính (TTHC) do Chủ tịch UBND tỉnh. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh giải quyết như sau:

+ 21 TTHC tại số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 do Sở Tài chính thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết hoặc Sở Tài chính giải quyết.

+ 16 TTHC tại số thứ tự: 1, 2, 3, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 20, 21, 24 do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh giải quyết.

- Việc thẩm định, có ý kiến của cơ quan quản lý tài sản công của bộ TTHC cấp tỉnh; tại Điểm c, Khoản 3, Điều 12, Chương III Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định: Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, có ý kiến đối với các nhiệm vụ do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh xem xét, quyết định theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

2/ Thủ tục hành chính do Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện giải quyết như sau:

+ 20 TTHC tại số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 18, 19, 20, 21, 22, 23 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết.

+ 13 TTHC tại số thứ tự: 1, 2, 3, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 15, 16, 17, 24 do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện giải quyết.

- Việc thẩm định, có ý kiến của cơ quan quản lý tài sản công bộ Thủ tục hành chính cấp huyện; tại Điểm d, Khoản 3, Điều 12, Chương III Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định: phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, có ý kiến đối với các nhiệm vụ do cơ quan, người có thẩm quyền cấp huyện xem xét, quyết định theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

3/ Đối với các TTHC cấp tỉnh tại số thứ tự 15,16; TTHC cấp huyện tại số thứ tự 15, 16 và TTHC cấp xã tại số thứ tự 10,11: Theo Điều 116 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công được quy định như sau:

+ Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công là hệ thống công nghệ thông tin do cơ quan có thẩm quyền tổ chức xây dựng quản lý và vận hành, hướng dẫn sử dụng để thực hiện bán, cho thuê tài sản công, chuyển nhượng, cho thuê quyền khai thác tài sản công và các giao dịch khác về tài sản.

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu mua, bán, thuê tài sản và các giao dịch khác về tài sản thông qua Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công phải thực hiện đăng ký tham gia Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công theo Điều 117, 118 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Khi thực hiện các giao dịch từ lần thứ hai trở đi Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã đăng ký tham gia Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công sử dụng tài khoản đã được Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công cấp để tham gia các giao dịch điện tử về tài sản công.

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2210 /QĐ-UBND ngày 12 / 8 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

ST T	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi bổ sung
I	Lĩnh vực Quản lý công sản	
1	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê (TTHC số 04, Mục IV, Phần A, Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh)	Căn cứ pháp lý bổ sung thêm: - Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (gọi tắt Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính). - Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về Quy định tài sản có giá trị lớn sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.
2	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết (TTHC số 05, Mục IV, Phần A, Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh)	Căn cứ pháp lý bổ sung thêm: Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.
3	Thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản công (TTHC số 06, Mục IV, Phần A, Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh)	Căn cứ pháp lý bổ sung thêm: - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh.

4	Thủ tục thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (<i>TTHC số 01, Mục I, Phần A, Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh</i>)	Căn cứ pháp lý bổ sung thêm: - Nghị Quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh.
II.	Lĩnh vực Quản lý giá	
1	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh (<i>TTHC số 02, Mục III, Phần A, Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh</i>)	Căn cứ pháp lý bổ sung thêm: - Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ
PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2210 /QĐ-UBND ngày 12 / 8 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Tên TTHC	Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
I	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	
1	Cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí (TTHC số 01, Mục II, Phần A, Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh)	Quyết định số 2623/QĐ-BTC ngày 10/12/2019 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
II	Lĩnh vực Ngân sách nhà nước	
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (TTHC số 02, Mục I, Phần A, Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh)	Quyết định số 2125/QĐ-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính.
III	Lĩnh vực Quản lý giá	
1	Kê khai giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh (TTHC số 03, Mục III, Phần A, Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh)	Quyết định số 576/QĐ-BTC ngày 29/3/2017 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.